

Số: 68/KH-PTGD

Mường Thanh, ngày 15 tháng 4 năm 2020

**KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NĂM 2021**

Đơn vị : Trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ

Căn cứ vào công văn số 288/ PGDĐT - TCCB ngày 06/4/2020 về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2021 - 2022,

Trường Tiểu học Hà Nội - Điện Biên phủ xây dựng kế hoạch phát triển Giáo dục & Đào tạo năm 2021 - 2022 với nội dung kế hoạch như sau:

A. Phần thứ nhất: Các bảng số liệu (Có biểu số liệu đính kèm)

B. Phần thứ hai:

I- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019 (Năm học 2019-2020) và ước thực hiện kế hoạch 2020 (năm học 2020-2021)

1 - Đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Phường Mường Thanh là phường nằm ở trung tâm thành phố Điện Biên Phủ có 15 tổ dân phố, 15 dân tộc, 2.840 hộ với 11.740 khẩu, có 423 cơ quan, đơn vị, trường học, doanh nghiệp nhà nước và tư nhân đóng trên địa bàn phường. Tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trên địa bàn phường luôn được giữ vững và ổn định. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, nhân dân các dân tộc có trình độ dân trí cao, có tinh thần đoàn kết, chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương.

Trường Tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ là trường Tiểu học duy nhất đóng trên địa bàn phường, trường có 30 lớp, 1224 học sinh. Được sự quan tâm của Đảng uỷ, HĐND, UBND phường Mường Thanh, đặc biệt là phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ đã giúp nhà trường định hướng phát triển hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục ở địa phương. Trong năm qua nhà trường cùng chính quyền và nhân dân địa phương thường xuyên chăm lo công tác giáo dục đào tạo, xây dựng phần đầu hoàn thiện và nâng cao chất lượng 5 tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia mức độ 2, duy trì tốt phong trào giáo dục đứng đầu trong toàn thành phố.

Nguồn ngân sách cấp đủ chi cho lương, các khoản phụ cấp của cán bộ, giáo viên, nhân viên, chi tiền điện, nước, văn phòng phẩm, các hoạt động giáo dục và các

- Phối hợp với các trường phổ và ban dân số phường điều tra và nắm rõ trẻ từ 7 tuổi đến 14 tuổi ra lớp.

- Giáo viên chủ nhiệm đề ra kế hoạch từ đầu năm để có giải pháp hiệu quả trong việc huy động trẻ ra lớp đầy đủ và chuyên cần.

- Giáo viên chủ nhiệm tham mưu nhà trường để có biện pháp giúp đỡ học sinh yếu kém trong học tập và học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- **Nhận xét, đánh giá:** Tình hình huy động học sinh đến trường có nhiều thuận lợi đó là việc đầu tư về chất lượng mũi nhọn của nhà trường đã tạo dựng được thương hiệu, lòng tin trong phụ huynh và nhân dân, chính quyền địa phương, nhờ vậy học sinh phấn khởi đến trường. Tuy nhiên còn không ít khó khăn do một bộ phận nhân dân kinh tế khó khăn đi làm ăn xa, thậm chí để con ở nhà nhưng kém phần chăm sóc, quản lý con em, gần như phó mặc cho nhà trường. Địa bàn rộng, phường Mường Thanh sau khi sát nhập chỉ còn có 15 tổ dân phố như vậy trung bình mỗi tổ dân phố có khoảng gần 200 hộ nên việc quản lý và điều tra trẻ trong độ tuổi đến trường cập nhật thường xuyên trong năm tương đối vất vả.

2.2. Tình hình phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Tổng số cán bộ giáo viên, viên chức năm 2019 - 2020: 56 đồng chí.

- Số GV trực tiếp đứng lớp: 45. Tỷ lệ giáo viên trên 1 lớp là: 1,5 GV/lớp. Hiện tại nhà trường được biên chế đủ số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Nhà trường phân công phân nhiệm phù hợp với năng lực sở trường của giáo viên nhưng do số học sinh đông vì vậy trong công tác quản lý chỉ đạo cũng gặp một số khó khăn vì công việc của BGH nhiều khi quá tải.

- Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động trao đổi chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề, tham quan học tập và trao đổi kinh nghiệm trong nhà trường và các trường chuẩn Quốc gia. 100% giáo viên trong toàn trường đều có chứng chỉ A Tin học trở lên, trong đó có trên 70% chứng chỉ B tin học (49 chứng chỉ B, 01 chứng chỉ C). Chứng chỉ Tiếng Anh: Tổng số 41, trong đó: chứng chỉ A: 03, Chứng chỉ B: 32, Chứng chỉ A2: 1, Chứng chỉ B2: 4, Chứng chỉ C: 1; Trình độ chuyên môn: Đại học: 48; Cao đẳng: 4; Trung cấp: 02; Sơ cấp : 02. Số tiết thực hiện chuyên đề để nâng cao kiến thức về tin học cho giáo viên là 10 tiết, 1 cán bộ quản lý có chứng chỉ A tiếng Anh, 2 cán bộ quản lý có chứng chỉ B tiếng Anh.

- Trong năm học đã bồi dưỡng 2 quần chúng ưu tú được kết nạp Đảng. Cán bộ quản lý và giáo viên của trường luôn tự học tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ và nghiệp vụ tay nghề.

sinh, hỗ trợ nhà trường về vật chất để bổ sung CSVC cho nhà trường một khung trang sạch đẹp nhằm phục vụ tốt cho công tác dạy và học.

2.6. Đánh giá chung công tác thông tin, truyền thông, những đổi mới sáng tạo tiêu biểu của đơn vị.

Nhà trường làm tốt công tác thông tin hai chiều đối với phụ huynh, làm tốt công tác truyền thông về các hoạt động của nhà trường: 1 bài viết /1 tháng trong cổng thông tin của Phòng Giáo dục thành phố, trên trang Web của nhà trường. Trong năm học nhà trường có 46 SKKN cấp trường có chất lượng được áp dụng rộng rãi. GV của trường đã làm tốt công tác bồi dưỡng cho học sinh tham gia các hội thi, cuộc thi. Chất lượng các cuộc thi đã có có chuyển biến rõ rệt, chất lượng hơn hẳn các năm học trước: Thi HKPĐ cấp trường, viết chữ đẹp cấp trường, các cuộc thi trên mạng Internet,... tham gia thi HKPĐ cấp thành phố là trường đạt thành tích xuất sắc đứng đầu trong khối tiểu học.

2.7. Đánh giá chung:

* Ưu điểm:

- Trong năm học 2019-2020, toàn trường đã tiếp tục thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả cuộc vận động "Hai không" với 4 nội dung do Bộ GD - ĐT đã phát động, cuộc vận động "Học tập và làm theo phong cách đạo đức Hồ Chí Minh".

- Thực hiện tốt phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực".

- Thực hiện theo hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2019-2020, trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đó là:

+ Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 100%, giữ vững số lượng HS trong toàn trường, chất lượng giáo dục đang từng bước được nâng cao, quan tâm phụ đạo bồi dưỡng học sinh ở các khối, lớp. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, rèn viết chữ đẹp tiếp tục được bồi dưỡng thường xuyên. Xây dựng tốt các phong trào của Đội và các đoàn thể trong nhà trường. Các chương trình hoạt động ngoại khóa được tổ chức có quy mô, phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức, đạt hiệu quả thiết thực trong việc giáo dục kỹ năng sống cho các em học sinh trong nhà trường, có tác dụng làm lành mạnh môi trường giáo dục.

+ Nền nếp, kỷ cương trong nhà trường được tăng cường, công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và đổi mới phương pháp dạy học tiếp tục được chú trọng. Tổ chức được một số chuyên đề các môn học Toán, Tiếng Việt và các tiết dạy có sử dụng CNTT. Phát động toàn thể GV sử dụng CNTT vào dạy học, mỗi GV đăng ký một nội dung đổi mới viết các đề tài sáng kiến...

+ Các Đồ dùng TBDH được sử dụng thường xuyên và có hiệu quả.

+ Công tác xây dựng CSVC và xây dựng cảnh quan nhà trường tiếp tục được chú trọng và đã thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng 5 tiêu chuẩn trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

* Hạn chế:

+ Tỷ lệ học sinh 6 đến 10 tuổi đi học đúng độ tuổi đạt 99% (1% học sinh khuyết tật đi học hòa nhập không đúng độ tuổi).

- Chất lượng Năng lực - Phẩm chất, kỹ năng sống: Chất lượng về năng lực phẩm chất: 100% học sinh đạt. Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội. Tổ chức tốt việc giáo dục kỹ năng sống tích hợp trong các môn học và nâng cao chất lượng các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các buổi hoạt động ngoại khóa về rèn kỹ năng sống cho HS, giáo dục quyền và bổn phận trẻ em; Giáo dục về biển đảo Việt Nam, an toàn giao thông, giao lưu Tiếng Việt, Quốc phòng an ninh...

- Môn ngoại ngữ: Tổ chức dạy Tiếng Anh 4 tiết trên tuần nghiêm túc, thường Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, hướng dẫn cho học sinh tham gia các cuộc thi trên mạng Internet, thi kể chuyện hay tiếng Anh để nâng cao chất lượng học Tiếng Anh của học sinh. Phần đầu có 100% học sinh hoàn thành môn học.

3. Cơ sở vật chất

- Phòng học, phòng làm việc, phòng phục vụ được sửa chữa nâng cấp, trang bị các thiết bị phục vụ dạy, học và làm việc đạt chuẩn.

- Các phòng chức năng và phòng học được trang bị và nâng cấp theo hướng hiện đại.

- Xây dựng môi trường sư phạm “Thân thiện”

- Về cơ sở vật chất cụ thể như sau: Số lượng phòng học 20; Phòng bộ môn: 4, Phòng nội trú: 0, phòng công vụ: 0; Phòng hiệu bộ: 6 (BGH: 3, phòng kế toán: 1, phòng chờ của GV 1, phòng hội trường 1); phòng thiết bị: 1; thư viện đạt chuẩn Quốc gia: 1; phòng chức năng: 03 (phòng hỗ trợ HS khuyết tật, phòng thể chất, phòng truyền thống); phòng y tế: 1.

- Số máy tính được kết nối mạng: 42/42

+ Công trình nước sạch: Đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động dạy và học.

+ Công trình vệ sinh đảm bảo đảm bảo: Phân thành hai khu vực, 1 dành cho giáo viên, 1 khu dành cho học sinh.

4. Phương châm hành động

“Chất lượng giáo dục bền vững, nâng cao dân trí giá trị thực là lương tâm, trách nhiệm và là danh dự của nhà trường”

III- Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2021 (năm học 2021-2022).

1. Các căn cứ xây dựng kế hoạch.

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005;

Căn cứ các Nghị Định, Quyết định, thông tư và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, tình hình thực tế của địa phương và nhà trường;

- Toàn trường phân đầu 30/30 tập thể lớp thực hiện đúng quy định về nề nếp tốt ngoài giờ lên lớp, các HĐTT đạt 100%.

+ Trên 80% HS đạt danh hiệu được khen thưởng theo thông tư 22 của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

+ Chất lượng Năng lực, Phẩm chất và các kỹ năng sống: Chất lượng về phẩm chất năng lực của học sinh: 100% học sinh Đạt trong đó có 60% xếp loại tốt. Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản như ứng xử, giao tiếp, lễ phép, vâng lời, phục vụ và tự phục vụ, tôn trọng các giá trị văn hóa, di tích lịch sử, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, tình nguyện.

+ Tham quan du lịch của thầy – trò 3 lần/Năm. Hoạt động ngoại khoá 1 lần/tháng và tham gia đầy đủ các phong trào thi đua.

*** Chất lượng đội ngũ :**

+ Số lượng CB- GV- NV: Tổng số cán bộ nhân viên, giáo viên: 56 (Trong đó: BGH: 3; thư viện – thiết bị: 2; TPTĐ: 1; Văn thư tạp vụ: 1; Y sĩ: 1; kế toán: 1, bảo vệ: 2; giáo viên: 45)

+ Chất lượng đội ngũ giáo viên:

* Xếp loại về chuyên môn nghiệp vụ:

- Tốt: đạt tỉ lệ = 95,6%

- Khá: đạt tỉ lệ = 4,4%

* Giáo viên giỏi các cấp:

- Cấp trường: Chiếm tỉ lệ 100%

- Cấp Thành phố Chiếm tỉ lệ 32,6 %

- Cấp tỉnh = 7 giáo viên

- Cấp Quốc gia: 4 giáo viên.

- Số giáo viên có SKKN công nhận cấp thành phố: đạt : 17,6 %

- Giáo viên viết chữ đẹp cấp trường : 54%

* Xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp:

- Xuất sắc : đạt tỉ lệ 56,5%

- Khá : 43,5% .

- Số tiết dạy ứng dụng công nghệ thông tin trên 80%; tối thiểu 2 chuyên đề/Tổ/năm ; 1 sáng kiến kinh nghiệm/GV/năm.

- Có 100% cán bộ quản lý và giáo viên có trình độ cao đẳng, đại học.

- Phân đầu 100% giáo viên đạt GVDG cấp Trường, trong đó cấp thành phố 32,6%, cấp Tỉnh 15%. Toàn quốc 7%.

- Có 100% GV sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, phân đầu có 50% đến 60% GV có chứng chỉ A ngoại ngữ trong giao tiếp. 100% giáo viên vận dụng linh hoạt sáng tạo PP dạy học tích cực.

- Giáo viên và cán bộ quản lý tự học tập, tự bồi dưỡng qua chuyên san - tài liệu, qua sinh hoạt chuyên môn tổ, nhóm, dự giờ rút kinh nghiệm các tiết chuyên đề...

- Bồi dưỡng qua nghe bằng hình, băng tiếng theo chuẩn GVTH.

- Bồi dưỡng qua các phương tiện thông tin truyền hình, trên mạng....

- Các tổ phân công GV dạy giỏi, có nhiều kinh nghiệm về giảng dạy giúp đỡ cho GV có tay nghề còn yếu, còn lúng túng trong việc vận dụng đổi mới phương pháp dạy học.

- Động viên GV tham gia các lớp học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3.4. Tăng cường CSVC trang thiết bị dạy học, xây dựng cảnh quan môi trường, xây dựng trường chuẩn Quốc gia, trường đạt chuẩn chất lượng.

- Bổ sung, sửa chữa và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường; bảo dưỡng sân chơi, cải tạo vườn hoa; bảo quản và khai thác sử dụng hiệu quả các thiết bị hiện có.

- Xây dựng tốt 30 Phòng học – 06 phòng dạy bộ môn tin học, Tiếng Anh, âm nhạc, mỹ thuật, thể chất, hỗ trợ HS khuyết tật; Các phòng chức năng: Phòng làm việc của BGH (3 phòng), Phòng Y tế: 01, Phòng Đội: 01, Phòng kế toán: 01, Thư viện đạt chuẩn Quốc gia: 01, Thiết bị: 01, Hội trường: 01 được trang bị đầy đủ thiết bị và cơ sở vật chất theo đúng quy định; Các hệ thống công trình: 2 Khu vực vệ sinh, nhà bảo vệ: 01; Khu chế biến thức ăn cho HS bán trú hợp lí, hợp vệ sinh, đảm bảo hệ thống bếp ăn bán trú một chiều.

- Nâng cao chất lượng trường tiểu học đạt chuẩn mức độ 2; có kế hoạch duy trì vững chắc và từng bước nâng mức chuẩn đã đạt được. Tiến hành xây dựng trường chất lượng cao từng năm và từng giai đoạn theo Đề án được phê duyệt.

- Giáo dục học sinh ý thức bảo vệ của công, giữ gìn môi trường xanh-sạch-đẹp. Xây dựng kế hoạch lao động phù hợp, vừa sức với học sinh, giáo viên chỉ đạo lao động theo kế hoạch, đảm bảo an toàn trong lao động. Lên kế hoạch trồng cây bóng mát, các bồn hoa cây cảnh. Tổ chức thường xuyên việc trồng và chăm sóc bồn hoa cây cảnh để hoa và cây cảnh đẹp quanh năm, cây bóng mát phủ kín sân trường, tạo khuôn viên rộng mát mẻ sạch đẹp cho học sinh vui chơi. XD mô hình sân trường thân thiện theo hướng mô hình sân trường thân thiện, xanh, sạch, đẹp và an toàn. Thường xuyên kiểm tra thiết bị đồ chơi dụng cụ ngoài trời, bảo đảm an toàn học đường.

3.5. Công tác PCGD-XMC

- Tiếp tục giữ vững các chỉ số về PCGDTH-CMC, PCGDĐĐT mức độ 3 ở mức độ vững chắc, cập nhật các số liệu phổ cập kịp thời chính xác.

- Làm tốt công tác tham mưu với UBND phường phối hợp tốt với các tổ Dân phố để hỗ trợ điều tra trình độ văn hóa hàng năm.

- Duy trì mối quan hệ giữa các trường trên địa bàn, giữa các thành viên trong ban chỉ đạo PCGD của phường.

4.1. Dự toán chi thường xuyên năm 2020:

- Dự toán: 9.189 triệu đồng
- + Chi lương và phụ cấp: 8.839 triệu đồng
- + Chi cho hoạt động chuyên môn: 350 triệu
- Chi đầu tư phát triển giáo dục - đào tạo: không

4.2. Tổng hợp thu chi ngân sách năm 2021:

- Dự toán: 10.587 triệu đồng
- + Chi lương và phụ cấp: 10.027 triệu đồng
- + Chi cho hoạt động chuyên môn: 560 triệu đồng

4.3 Lập kế hoạch tài chính NSNN 3 năm 2021-2023:

*** Kế hoạch tài chính NSNN năm 2021:**

- Dự toán: 10.587 triệu đồng
- + Chi lương và phụ cấp: 10.027 triệu đồng
- + Chi cho hoạt động chuyên môn: 560 triệu đồng

*** Kế hoạch tài chính NSNN năm 2022:**

- Dự toán: 12.100 triệu đồng
- + Chi lương và phụ cấp: 11.200 triệu đồng
- + Chi cho hoạt động chuyên môn: 900 triệu đồng

*** Kế hoạch tài chính NSNN năm 2023:**

- Dự toán: 14.200 triệu đồng
- + Chi lương và phụ cấp: 13.100 triệu đồng
- + Chi cho hoạt động chuyên môn: 1.100 triệu đồng
- Dự toán các chương trình, đề án, dự án khác nếu có: không

5. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

- Sắp xếp mạng lưới lớp học phù hợp với tình hình địa phương, đảm bảo công tác quản lý có hiệu quả và việc học tập của HS được thuận lợi;

- Triển khai thực hiện Thông tư số 36/2009/TT-BGDĐT ngày 04/12/2009 ban hành Quy định kiểm tra, công nhận PCGDTH và PCGDTH ĐĐT; tổ chức chỉ đạo tổng điều tra trình độ văn hóa của nhân dân một cách đồng bộ và chính xác.

- GVCN kết hợp với các GV bộ môn, TPT, với PHHS thường xuyên theo dõi việc chuyên cần của HS lớp mình, HS vắng phải có giấy xin phép của phụ huynh. Nhà trường tổ chức điều tra nắm chắc số lượng trẻ PPC hằng năm để xây dựng kế hoạch phát triển trường lớp và có kế hoạch huy động 100% trẻ trong độ tuổi đi học ra lớp; thực hiện các loại hồ sơ sổ sách, thống kê số liệu đầy đủ, chính xác, đảm bảo công tác quản lý có hiệu quả và việc học tập của HS được thuận lợi. Chú ý làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo ngành, lãnh đạo Đảng và chính quyền địa

- Chỉ đạo chặt chẽ hoạt động của Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh, hội chữ thập đỏ của nhà trường để giáo dục, rèn luyện đạo đức, giáo dục truyền thống, lòng tự hào dân tộc và ý trí vươn lên lập thân lập nghiệp của học sinh.

- Tranh thủ sự quan tâm của chính quyền địa phương

- Huy động sự đóng góp về công sức và tiền của, của các tổ chức, cá nhân và gia đình để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy và học ; khen thưởng học sinh giỏi và hỗ trợ học sinh nghèo.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng trường, lớp xanh, sạch, đẹp, nhà vệ sinh sạch sẽ hợp vệ sinh tới tập thể giáo viên, công nhân viên và các em học sinh.

- Thường xuyên giáo dục học sinh ý thức bảo vệ của công, tài sản chung trong các buổi HĐTT, chào cờ, ngoại khóa.

- Tổ chức các cuộc thi: lớp học tranh trí đúng mẫu và đẹp nhất, thi tú sách truyện phong phú nhất, thi bồn hoa giữa các tổ chuyên môn.

- Tích cực tham mưu với Đảng ủy và chính quyền địa phương về công tác xây dựng cơ sở vật chất, cụ thể từng hạng mục công trình cần xây dựng, nhằm tập trung sự chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, UBND cho công tác xây dựng trường. Vận động mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phong trào XHHGD.

- Công khai các khoản thu xã hội hóa, thu chi đúng mục đích, tránh lạm thu.

- Giáo dục học sinh biết tham gia lao động tự phục vụ trong nhà trường chủ yếu là vệ sinh, sửa sang trường lớp, chăm sóc cây xanh, cây cảnh và cây bóng mát, nghĩa trang liệt sĩ ...

- Luôn luôn coi trọng việc giáo dục học sinh về lao động tự phục vụ. Thông qua đó học sinh thấy được giá trị của sản phẩm từ đó giáo dục các em tính tiết kiệm, biết bảo vệ và giữ gìn tài sản chung của nhà trường và thấy được sự lãng phí từ đó rèn luyện năng lực phẩm chất cho các em học sinh.

5. Kiến nghị, đề xuất.

Trong năm học 2021 - 2022, trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ có nhiều cơ hội khi đứng trước những điều kiện thuận lợi về chủ trương của Đảng ủy, chính quyền đối với công tác giáo dục của phường Mường Thanh nói chung và sự quan tâm đối với trường nói riêng, bên cạnh đó phía UBND thành phố và ngành cũng từng bước có những sự đầu tư trong xây dựng cơ bản, bổ sung nguồn lực và tài chính. Song không ít những khó khăn và thách thức phía trước về chất lượng học sinh, điều kiện về CSVC... Hội đồng trường xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2021 - 2022 là tâm huyết và trí tuệ của cả tập thể nhằm phấn đấu xây dựng và phát triển nhà trường ngày càng tốt hơn, tạo niềm tin cho học sinh, cho phụ huynh, nhân dân và cấp ủy, chính quyền địa phương. Kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2021 - 2022 là văn bản định hướng cho sự phát triển của nhà trường, trên cơ sở đó từng tổ chức và cá nhân trong trường xây dựng, điều chỉnh kế hoạch phù hợp với sự phát triển chung của nhà trường.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG TIỂU HỌC HÀ NỘI-ĐIỆN BIÊN PHỦ

BIỂU SỐ 1A

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2021

TT	TIÊU CHÍ	Đơn vị tính	TH 2019	ƯỚC TH 2020	KH 2021	SO SÁNH (%)	
						2020/ 2019	2021/ 2020
1	Tiểu học						
	Số trường	Trường	1	1	1	100	100
	Công lập	Trường	1	1	1	100	100
	Ngoài công lập	Trường					
	Số trường PTDTBT	Trường					
	Số trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Trường	1	1	1	100	100
	Tỷ lệ trường kiểm định/tổng số trường	%	100,00	100,00	100,00	x	x
	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	1	1	1	100	100
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	100,00	100,00	100,00	x	x
	Số phòng học	Phòng	30	30	30	100	100
	Số phòng học kiên cố	Phòng	30	30	30	100	100
	Tỷ lệ phòng kiên cố	%	100,00	100,00	100,00	x	x
	Số Giáo viên	GV	45	45	45	100	100
	Số Giáo viên đạt chuẩn trở lên	GV	42	42	42	100	100
	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trở lên	%	93,3	93,3	93,3	x	x
	Số học sinh	HS	1.225	1.243	1.250	101	101
	Số học sinh PTDTBT	HS					
	Số học sinh bán trú (được hưởng chế độ Nghị định 116/NĐ-CP)	HS					
	Số trẻ em ngoài nhà trường	Trẻ	3	3	1		
	Số lớp	Lớp	30	30	30	100	100
	Học sinh/lớp		40,80	41,40	41,70	x	x

	Tỷ lệ bỏ học		%					x	x
	Số học sinh hoàn thành cấp học		HS						
	Tỷ lệ hoàn thành cấp học		%					x	x
	Tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên THCS		%					x	x
	Số học sinh dự xét tốt nghiệp		HS						
	Số học sinh tốt nghiệp		HS						
	Tỷ lệ tốt nghiệp		%					x	x
	Tỷ lệ học sinh đi học chung cấp THCS		%						
	Tỷ lệ trẻ em ngoài nhà trường ở độ tuổi đi học THCS		%						
3	Phổ cập giáo dục - Xóa mù chữ								
	Tổng số xã		xã						
	Số xã đạt chuẩn PC GDMN cho trẻ 5 tuổi		xã						
	Số xã đạt chuẩn PC GDTH mức độ 2		xã						
	Số xã đạt chuẩn PC GDTH mức độ 3	1	xã	1	1				
	Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2		xã						
	Số xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3		xã						
	Số xã đạt chuẩn Xóa mù chữ mức độ 2	1	xã	1	1				
4	Hệ bổ túc văn hóa		H/Sinh						
	Học sinh PCGDTH-XMC		H/Sinh						
	Học sinh PCGD THCS		H/Sinh						
5	Chỉ tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số								
	Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học		%	100	100	100	100		
	Tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học		%	100	100	100	100		
	Tỷ lệ người DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 15 tuổi đến 60 tuổi		%	100	100	100	100		
	Tỷ lệ nữ người DTTS biết chữ trong độ tuổi từ 15 tuổi đến 60 tuổi		%	100	100	100	100		
	Tỷ lệ học sinh nữ DTTS ở cấp tiểu học, THCS		%	100	100	100	100		
6	Trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với trẻ em khuyết tật; trong đó:		trường						
	- Mầm non		trường						

	- Tiểu học		0	0	0
	- THCS				
7	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ	trường	100	100	100
8	Tỷ lệ dân số 15 đến 60 tuổi mù chữ tham gia các lớp xóa mù chữ, trong đó:	%			
	- Mức 1 (hoàn thành lớp 3):	%			
	- Mức 2 (hoàn thành lớp 5):	%			

Mường Thanh, ngày 15 tháng 4 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP



(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Thị Hồng Hoàn

Lê Thị Nga

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG TIỂU HỌC HÀ NỘI-ĐIỆN BIÊN PHỦ

BIỂU SỐ 8

DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI GDĐT CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2020-2023

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2020		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
			KẾ HOẠCH	U' TH			
	Giáo dục, đào tạo						
	- Số giáo viên	Người	45	45	45	45	45
	- Số học sinh	Người	1.243	1.243	1.250	1.252	1.255
	Trong đó:						
	+ Học sinh dân tộc nội trú	Người					
	+ Học sinh bán trú	Người	800	800	810	820	820
	+ Đối tượng được hưởng chính sách (Chi tiết theo từng đối tượng)	Người					
	* Đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định	Người					
	* Đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ	Người					
	* Đối tượng hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP	Người					
	* Đối tượng học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú theo Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg; Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	Người					
	* Đối tượng học sinh các trường DTNT, trường dự bị đại học dân tộc theo Thông tư liên tịch số 109/TTLT-BTC-BGDĐT	Người					
	- Số trường đại học, cao đẳng, dạy nghề công lập do địa phương quản lý	Trường					

Mường Thanh, ngày 15 tháng 4 năm 2020

NGƯỜI LẬP



Lê Thị Nga

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng Hoàn

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CHO GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2021-2023

ĐVT: triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH 2021			KẾ HOẠCH 2022			KẾ HOẠCH 2023		
		Tổng số	NSDP	NSTW	Tổng số	NSDP	NSTW	Tổng số	NSDP	NSTW
A	NGUỒN THU									
1	Số thu giá dịch vụ									
	- Học phí									
	- Lệ phí									
	- Các khoản ngân sách hỗ trợ									
	- Thu sự nghiệp khác									
2	Thu từ xã hội hóa lĩnh vực giáo dục đào tạo	241	241		250	250		250	250	
B	NỘI DUNG CHI									
I	Tổng chi từ nguồn thu được để lại :									
	- Mâm non									
	- Tiểu học	241	241		250	250	0	250	250	
	- Trung học cơ sở									
	- Trung học phổ thông									
	- Trung cấp sư phạm									
	- Cao đẳng sư phạm									
	- Đại học									
	- Các cơ sở giáo dục, đào tạo khác									
	- Quản lý chung của ngành (nếu có)									
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước									
1	Chi đầu tư phát triển									
2	Chi thường xuyên sự nghiệp GD, ĐT	241	241		250	250		250	250	
3	Chi thực hiện chính sách theo quy định									
4	Chi chương trình mục tiêu quốc gia, các đề án, dự án của ngành									
5	Chi khác, dự án ODA (phần đối ứng của địa phương)									

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Hải Yến

Mường Thanh, ngày 15 tháng 4 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng Hoàn

TỔNG HỢP NHU CẦU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC GDĐT GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2021-2023

Đơn vị: Tỷ đồng

Nội dung	NĂM 2020			DỰ KIẾN NĂM 2021			SO SÁNH NHU CẦU NĂM 2021 VỚI TH NĂM 2020	DỰ KIẾN NĂM 2022			DỰ KIẾN NĂM 2023			Ghi chú
	DỰ TOÁN	Kết quả thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện cả năm	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO (a)	NHU CẦU CHI CỦA ĐƠN VỊ (b)	CHÉNH LỆCH LỊCH TRẦN CHI - NHU CẦU		TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO (a)	NHU CẦU CHI CỦA ĐƠN VỊ (b)	CHÉNH LỆCH TRẦN CHI - NHU CẦU	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO (a)	NHU CẦU CHI CỦA ĐƠN VỊ (b)	CHÉNH LỆCH TRẦN CHI - NHU CẦU	
	1		2	3	4	5	6-4/2	7	8	9-7-8	10	11	12-10-11	
Tổng chi NSNN trong lĩnh vực GD&ĐT	9,1	4,1	9,1	10,5	10,5	-	1,2	12,1	12,1	-	14,2	14,2	-	
Chia theo nguồn														
- Chi từ nguồn trong nước	9,1	4,1	9,1	10,5	10,5	-	1,2	12,1	12,1	-	14,2	14,2	-	
- Chi ngoài nước						-								
Chi thường xuyên, trong đó														
- Chi từ nguồn trong nước	9,1	4,1	9,1	10,5	10,5	-	1,2	12,1	12,1	-	14,2	14,2	-	
- Chi ngoài nước	4,1	4,1	9,1	10,5	10,5	-	1,2	12,1	12,1	-	14,2	14,2	-	
Chia theo nguồn														
Chi đầu tư phát triển, trong đó														
- Chi từ nguồn trong nước														
- Chi ngoài nước														

Mường Thôn, ngày 17 tháng 4 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng Hoàn

NGƯỜI LẬP

(Handwritten signature)

Nguyễn Hải Yến

CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DVT: Triệu đồng

Năm	Nội dung	Tổng chi	Giáo dục					Đào tạo								
			Tổng số	Giáo dục mầm non	Giáo dục tiểu học	Giáo dục trung học cơ sở	Giáo dục trung học phổ thông	Giáo dục khác	Tổng số	Trung cấp sư phạm	Cao đẳng sư phạm	Đại học	Đào tạo khác			
TH 2019	Tổng số															
	Chi đầu tư phát triển															
	<i>Chi ra:</i>															
	Chi đầu tư xây dựng cơ bản															
	Chi đầu tư phát triển khác															
	Chi thường xuyên	8.507	8.507,0				8.507									
	<i>Chi ra:</i>															
Chi lương và phụ cấp	7.687	7.687,0				7.687,0										
Chi cho hoạt động chuyên môn	820	820,0				820,0										
Chi hỗ trợ chính sách,																
Chi thường xuyên khác																
Tổng số																
ƯTH 2020	Chi đầu tư phát triển															
	<i>Chi ra:</i>															
	Chi đầu tư xây dựng cơ bản															
	Chi đầu tư phát triển khác															
	Chi thường xuyên	9.189	9.189,0				9.189,0									
	<i>Chi ra:</i>															
	Chi lương và phụ cấp	8.839	8.839,0				8.839,0									
Chi cho hoạt động chuyên môn	350	350,0				350,0										
Chi hỗ trợ chính sách,	0	-				-										
Chi thường xuyên khác	0	-				-										
Tổng số																
KH 2021	Chi đầu tư phát triển															
	<i>Chi ra:</i>															
	Chi đầu tư xây dựng cơ bản															
	Chi đầu tư phát triển khác															
	Chi thường xuyên	10.587	10.587,0				10.587,0									
	<i>Chi ra:</i>															
	Chi lương và phụ cấp	1.027	1.027,0				1.027,0									
Chi cho hoạt động chuyên môn	9.560	9.560,0				9.560,0										
Chi hỗ trợ chính sách,																
Chi thường xuyên khác																

Mường Thanh, ngày 15 tháng 4 năm 2019



NGƯỜI LẬP

Handwritten signature
Nguyễn Hải Yên

DỰ KIẾN KINH PHÍ NSNN CẤP BÙ HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO SỐ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 86/2015/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

STT	Cấp học	ƯTH 2020						KH 2021						KH 2022					
		Số đối tượng			Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)			Số đối tượng			Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)			Số đối tượng			Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)		
		Miễn học phí	Giảm học phí	Hỗ trợ chi phí học tập	Miễn học phí	Giảm học phí	Hỗ trợ chi phí học tập	Miễn học phí	Giảm học phí	Hỗ trợ chi phí học tập	Miễn học phí	Giảm học phí	Hỗ trợ chi phí học tập	Miễn học phí	Giảm học phí	Hỗ trợ chi phí học tập	Miễn học phí	Giảm học phí	Hỗ trợ chi phí học tập
1	Mầm non																		
2	Tiểu học			0				10			9000,0				8				7200,0
3	THCS																		
3	THPT																		
4	GDTX tỉnh																		
6	Cao đẳng sư phạm																		
	Tổng số	0	0	0	0	0	0	10	0	0	9.000	0	0	0	8	0	0	0	7.200

Mường Thanh, ngày 15 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Hải Yến

